TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **58**/2024/QĐCNHGT-DS	*Bình Đại, ngày 10 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N, ông Võ Thành C, bà Đào Thị R1.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1).**

Địa chỉ: Số B, đường N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Văn H** – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh B kiêm Trưởng phòng Phòng G (Theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

- *Bị đơn:* 1. Ông **Võ Thành R**, sinh năm 1985.

2. Bà **Lê Thị Cẩm N**, sinh năm 1992.

3. Ông **Võ Thành C**, sinh năm 1966.

4. Bà **Đào Thị R1**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông C, bà R1 có Giấy ủy quyền cho ông R tham gia tố tụng ngày 26/7/2024.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 23 tháng 8 năm 2024, cụ thể như sau:

1.1 Ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 202025903152.2 ngày 06/04/2023 đến thời điểm 23/08/2024 là **10.071.246.000 đồng (Mười tỷ không trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)**.

1.2 Ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 202025903152.2 ngày 06/04/2023 đến thời điểm 23/08/2024 là **10.071.246.000 đồng (Mười tỷ không trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)**. Ghi nhận Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

2.1 Ông Võ Thành R thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ theo Giấy đề nghị bảo lãnh ký ngày 22/11/2023, chứng thư bảo lãnh số MD2320050802 ngày 19/7/2023, thư tu chỉnh bảo lãnh số 01/ MD2320050802 ngày 25/12/2023 của ông Võ Thành R đến thời điểm 23/08/2024 là **900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng)**.

2.2 Ông Võ Thành R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ theo Giấy đề nghị bảo lãnh ký ngày 22/11/2023, chứng thư bảo lãnh số MD2320050802 ngày 19/7/2023, thư tu chỉnh bảo lãnh số 01/ MD2320050802 ngày 25/12/2023 của ông Võ Thành R đến thời điểm 23/08/2024 là **900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng)**. Ghi nhận Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục

tính lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

3.1 Ông Võ Thành R thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022, tính đến ngày 23/08/2024 là: **343.635.815 đồng** ***(Ba trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm mười lăm đồng).***

3.2 Ông Võ Thành R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022, tính đến ngày 23/08/2024 là: **343.635.815 đồng** ***(Ba trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm mười lăm đồng).*** Ghi nhận Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi ông Võ Thành R trả tất nợ cho Ngân hàng.

4.1 Ông Võ Thành R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ khoản vay tiêu dùng S1 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022 tính đến ngày 23/08/2024 là **183.178.597 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu một trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng)**.

4.2 Ông Võ Thành R có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ khoản vay tiêu dùng S1 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022 tính đến ngày 23/08/2024 là **183.178.597 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu một trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng)**. Ghi nhận Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi ông Võ Thành R trả tất nợ cho Ngân hàng.

5.1 Ông Võ Thành C, bà Đào Thị R1 thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 202126047477.2 ngày 13/09/2023 đến thời điểm 23/08/2024 là **3.021.365.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)**.

5.2 Ông Võ Thành C, bà Đào Thị R1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 202126047477.2 ngày 13/09/2023 đến thời điểm 23/08/2024 là **3.021.365.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)**. Ghi nhận Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi ông Võ Thành C, bà Đào Thị R1 trả tất nợ cho Ngân hàng.

6.1 Ông Võ Thành C thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ khoản theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022, tính đến ngày 23/08/2024 là **336.968.676 đồng** ***(Ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).***

6.2 Ông Võ Thành C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ khoản theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022, tính đến ngày 23/08/2024 là **336.968.676 đồng** ***(Ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).*** Ghi nhận Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi ông Võ Thành C trả tất nợ cho Ngân hàng.

7.1 Ông Võ Thành C thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ khoản vay tiêu dùng S1 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022 tính đến ngày 23/08/2024 là **188.774.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)**.

7.2 Ông Võ Thành C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ khoản vay tiêu dùng S1 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022 tính đến ngày 23/08/2024 là **188.774.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)**. Ghi nhận Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi ông Võ Thành C trả tất nợ cho Ngân hàng.

8. Ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N, ông Võ Thành C, bà Đào Thị R1 có nghĩa vụ trả 01 lần toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP S vào ngày

09/9/2024.

9. Trường hợp ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N không thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ hoặc không trả đủ số nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202025903152 ngày 18/12/2020, Hợp đồng thế chấp tài sản số 202025903152.1 ngày 18/12/2020, hợp đồng thế chấp tài sản số 202025903152.2 ngày 18/12/2020, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 202025903152.1.2 ngày 06/04/2023, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 202025903152.1.1 ngày 06/04/2023, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 202025903152.2.1 ngày 06/04/2023 mà ông Võ Thành C, bà Đào Thị R1, ông Võ Thành R, bà Lê Thị Cẩm N đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 202025903152.2 ngày 06/04/2023, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022 của ông Võ Thành R.

Tài sản cụ thể như sau:

Tài sản 1:

Quyền sử dụng 30,4 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 280 (được tách ra từ thửa số 59) tờ bản đồ số 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CH895894 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/02/2017 cho ông Võ Thành R làm chủ sử dụng.

Tài sản 2:

Quyền sử dụng 469.6 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 279 (được tách ra từ thửa số 60) tờ bản đồ số 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CH895895 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/02/2017 cho ông Võ Thành R làm chủ sử dụng.

Tài sản 3:

Quyền sử dụng 1452 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại; ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 97 tờ bản đồ số 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN BS499437 do UBND huyện B cấp ngày 14/07/2014 cho ông Võ Thành C làm chủ sử dụng.

Tài sản 4:

Quyền sử dụng 2399.8 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại: ấp D C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 277 (được tách từ thửa đất số 98) tờ bản đồ số 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN BS499436 do UBND huyện B cấp ngày 14/07/2014 cho ông Võ Thành C làm chủ sử dụng.

Tài sản 5:

Quyền sử dụng 689,7 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại: ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 273 (được tách từ thửa đất số 61) tờ bản đồ số 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN BS499438 do UBND huyện B cấp ngày 14/07/2014 cho ông Võ Thành C làm chủ sử dụng.

Tài sản 6:

Quyền sử dụng 1729.9 m^2 đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại: xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 103 tờ bản đồ số 39 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CR445509 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/3/2019 cho ông Võ Thành C và bà Đào Thị R1 làm chủ sử dụng.

Tài sản 7:

Quyền sử dụng 1556 m^2 đất trồng lúa, tọa lạc tại: ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 847 tờ bản đồ số 1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A1651957 do UBND huyện B cấp ngày 15/06/2007 cho ông Võ Thành C và bà Đào Thị R1 làm chủ sử dụng**.**

10. Trường hợp ông Võ Thành C, bà Đào Thị R1 không thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ hoặc không trả đủ số nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126047477 ngày 23/03/2021, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 202126047477.2 ngày 13/09/2023, mà ông Võ Thành R và bà Lê Thị Cẩm N đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 202126047477.2 ngày 13/09/2023, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/05/2022 của ông Võ Thành C.

Tài sản cụ thể như sau:Tài sản 1:

Quyền sử dụng 4158 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 22 tờ bản đồ số 26 theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số GCN CY613457 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/01/2021 cho ông Võ Thành R và bà Lê Thị Cẩm N làm chủ sử dụng.

Tài sản 2:

Quyền sử dụng 1290.1 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 264 tờ bản đồ số 26 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CY613458 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/01/2021 cho ông Võ Thành R và bà Lê Thị Cẩm N làm chủ sử dụng.

Tài sản 3:

Quyền sử dụng 2956.9 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 14 tờ bản đồ số 26 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CY613459 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/01/2021 cho ông Võ Thành R và bà Lê Thị Cẩm N làm chủ sử dụng.

11.1 Bà Lê Thị Cẩm N thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/06/2024, tính đến ngày 23/08/2024 là: **207.747.681 đồng** ***(Hai trăm lẻ bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi mốt đồng)***.

11.2 Bà Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/06/2024, tính đến ngày 23/08/2024 là: **207.747.681 đồng** ***(Hai trăm lẻ bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi mốt đồng).*** Ghi nhận Ngân hàng TMCP S tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 24/08/2024 đến khi bà Lê Thị Cẩm N trả tất nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Long Hồ